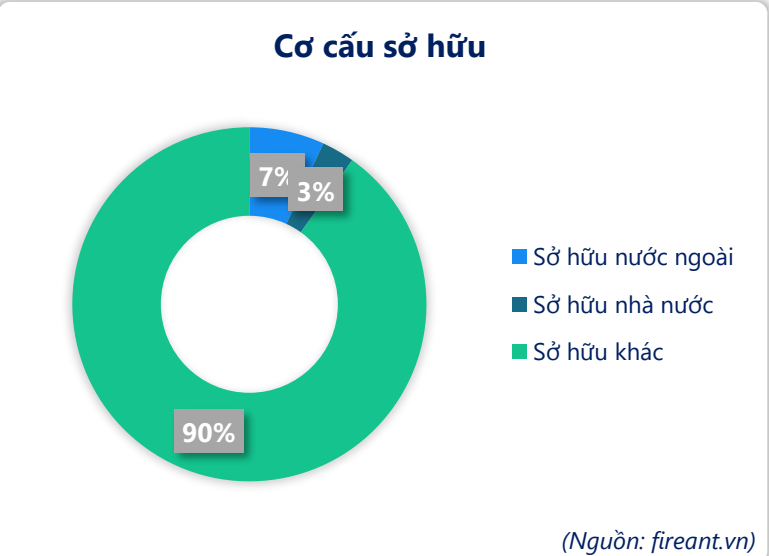
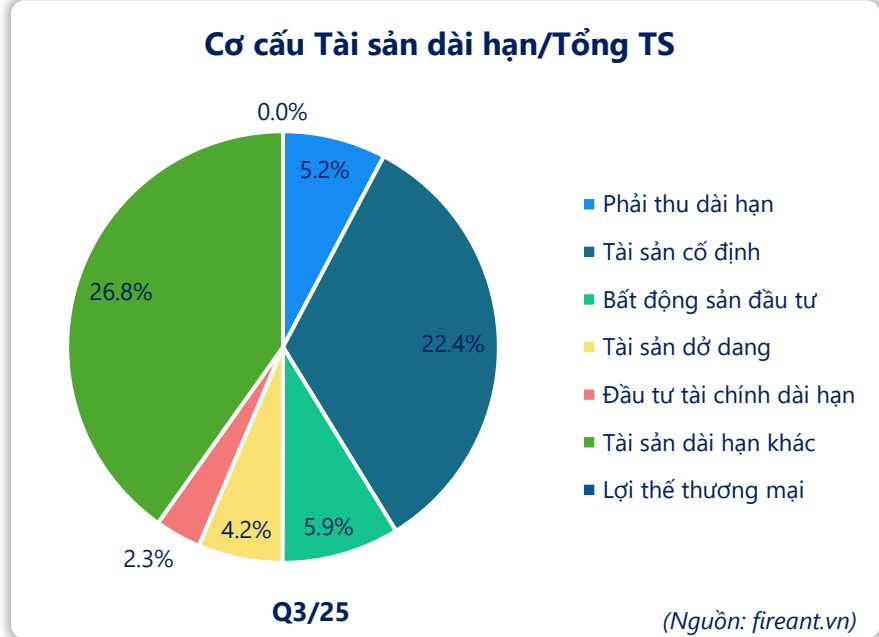
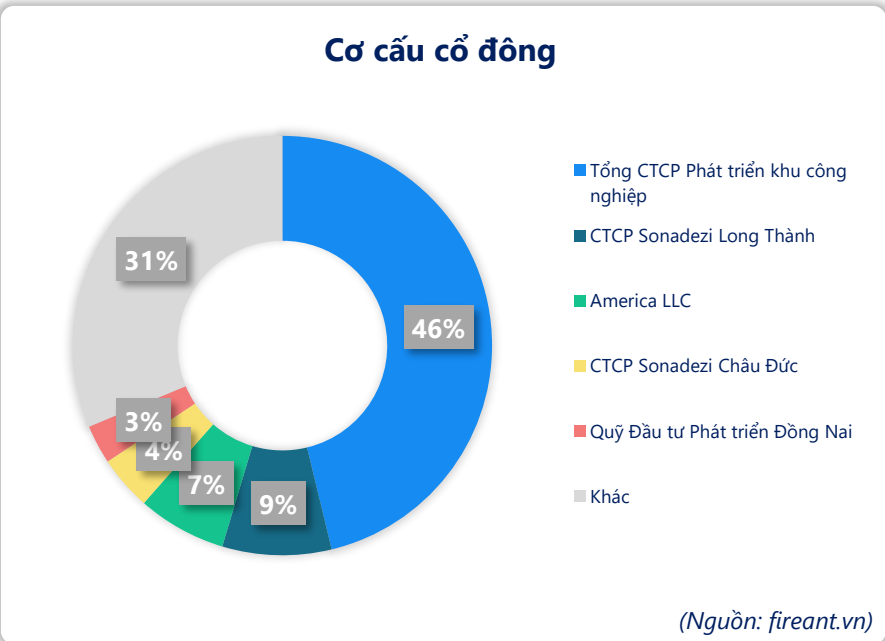
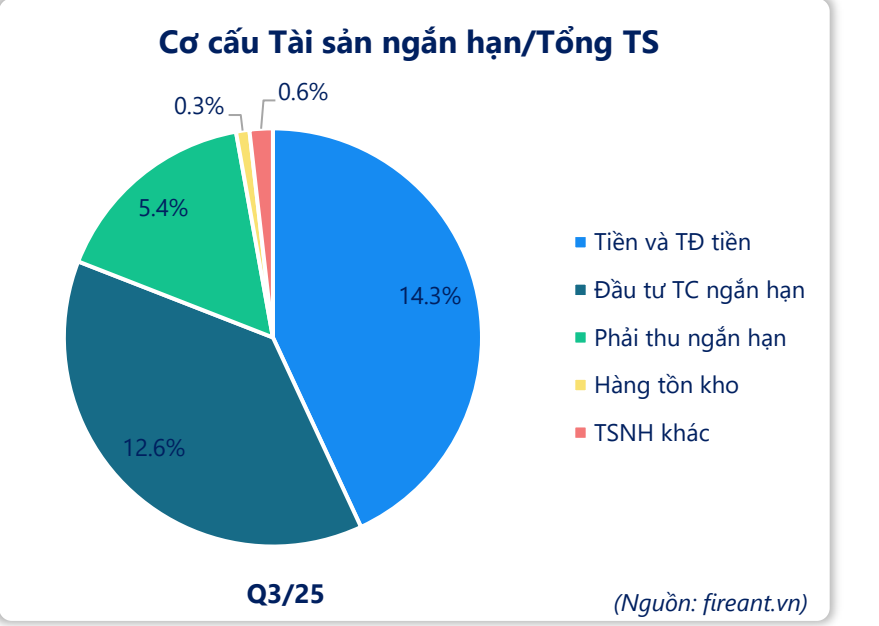
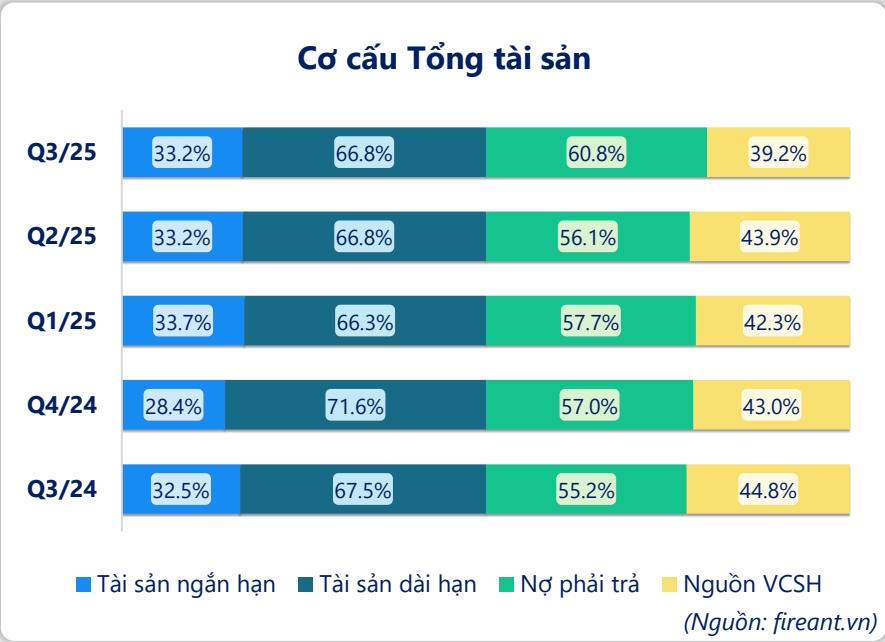


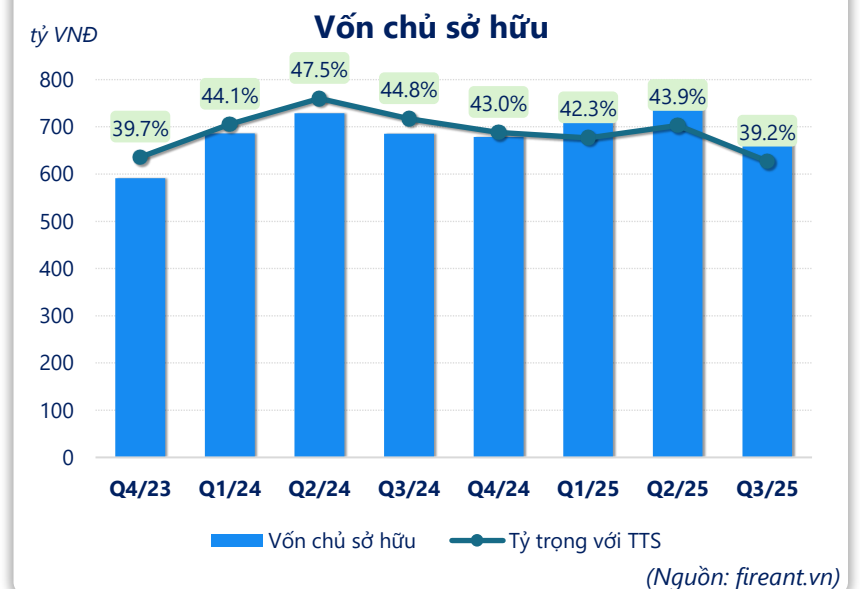
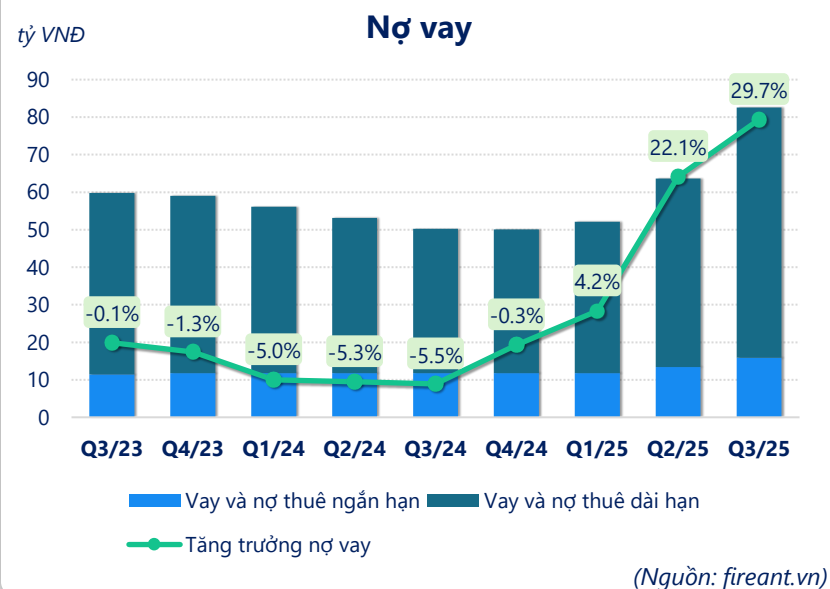
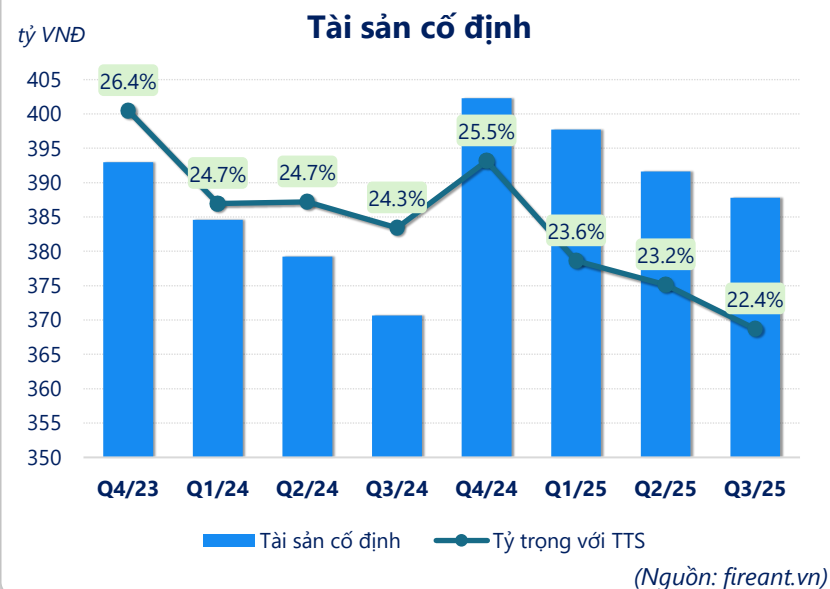
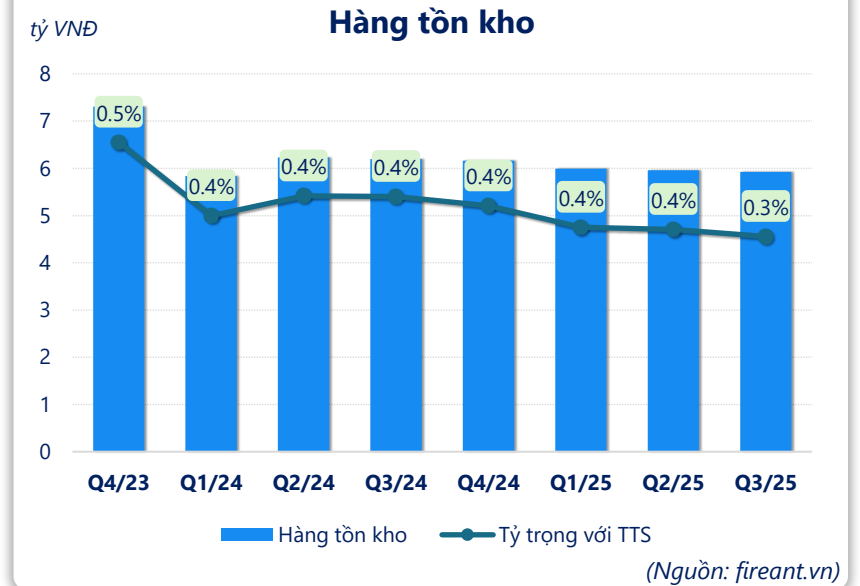
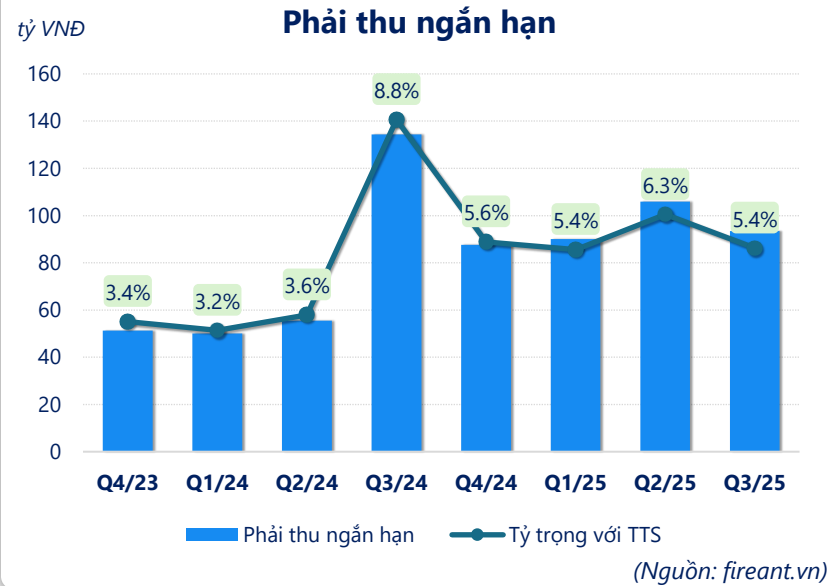
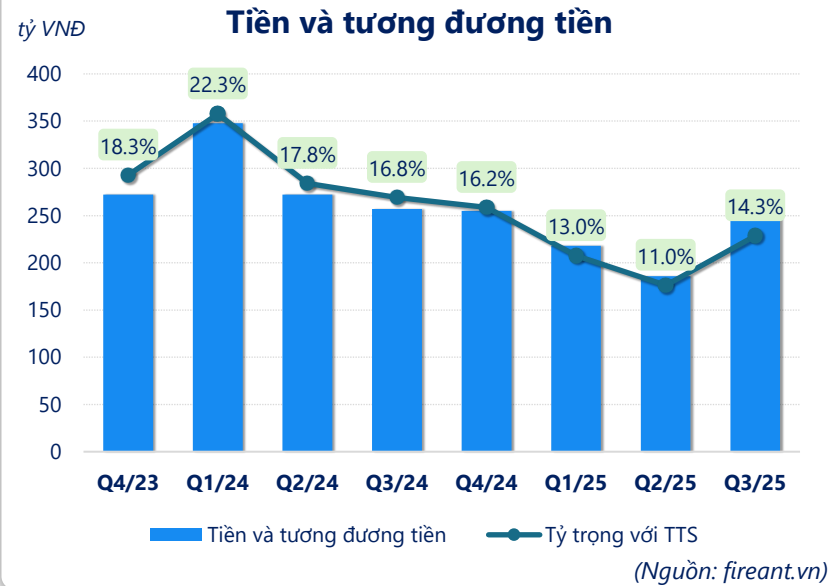
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		37,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		38,793
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,482
SL cổ phiếu LH		30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,490
% sở hữu nước ngoài		6.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,137
P/E		9.1
EPS		4,149

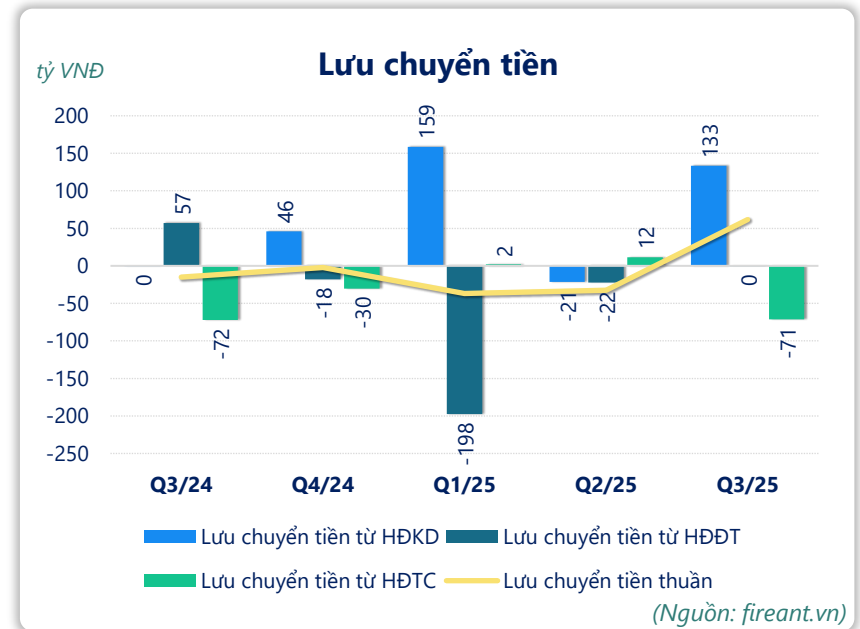
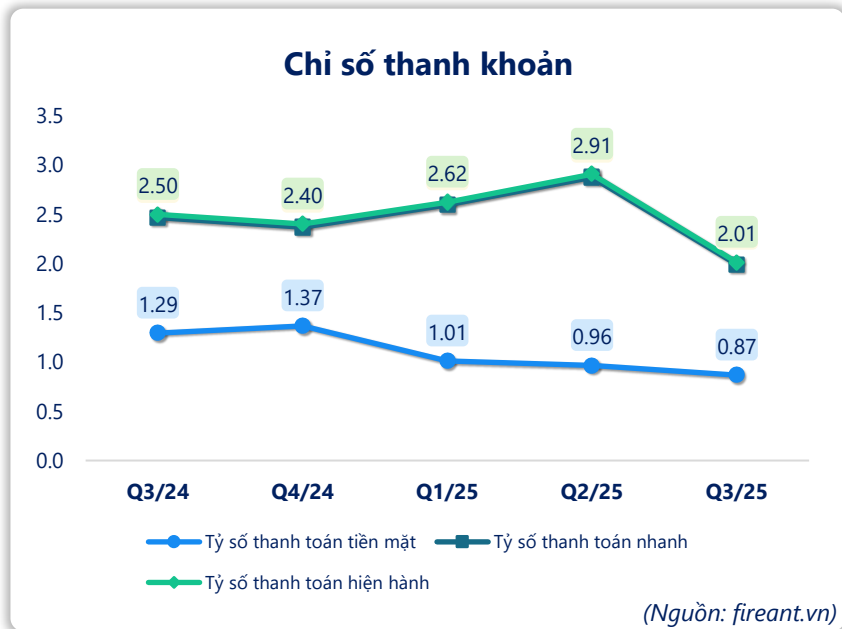
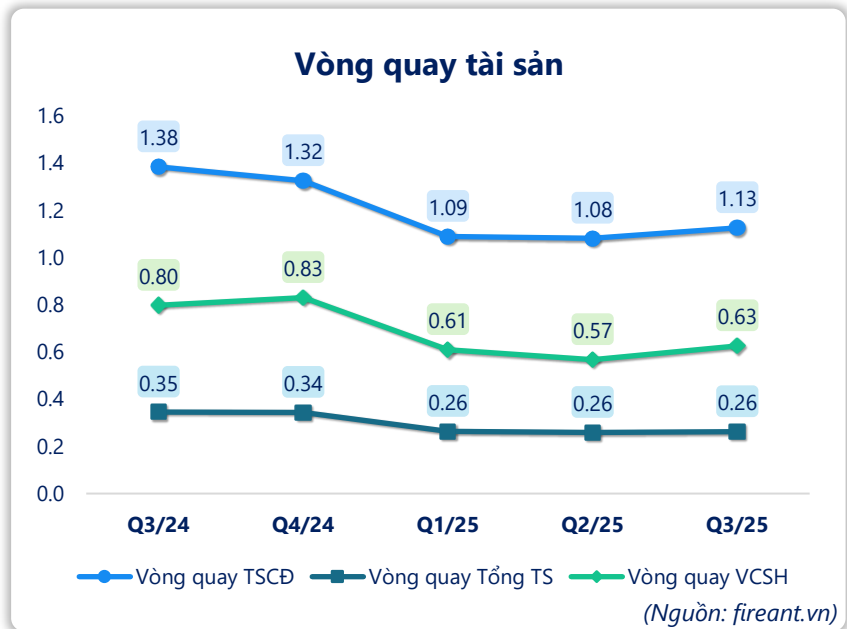
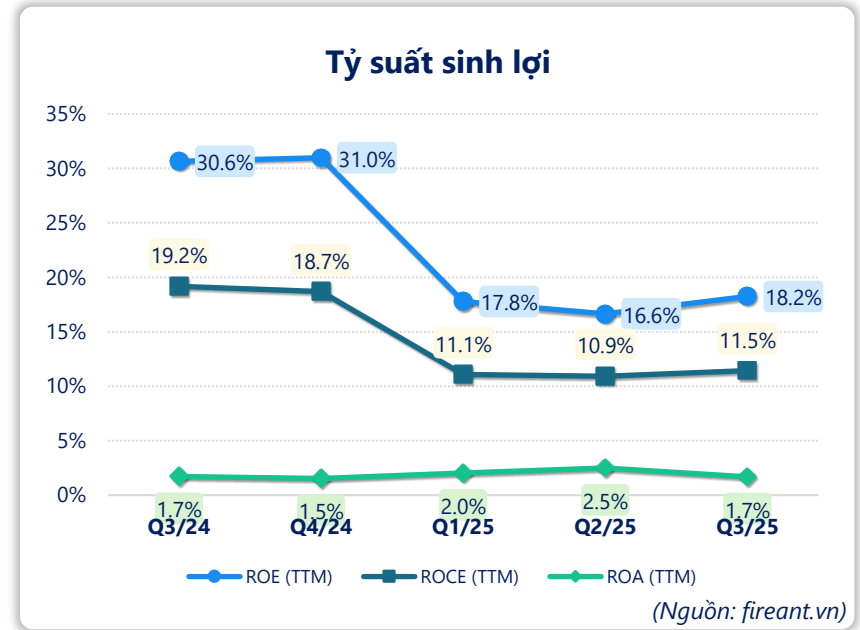
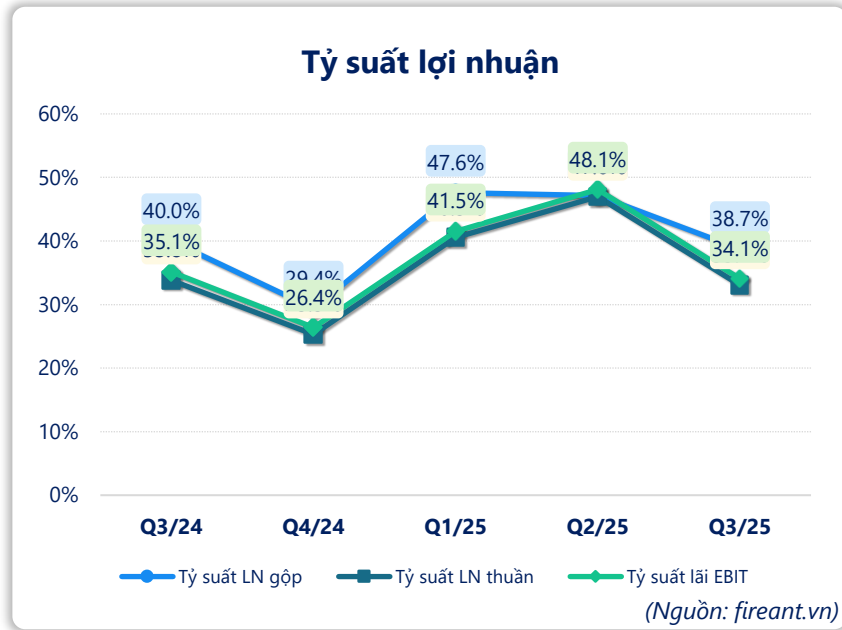
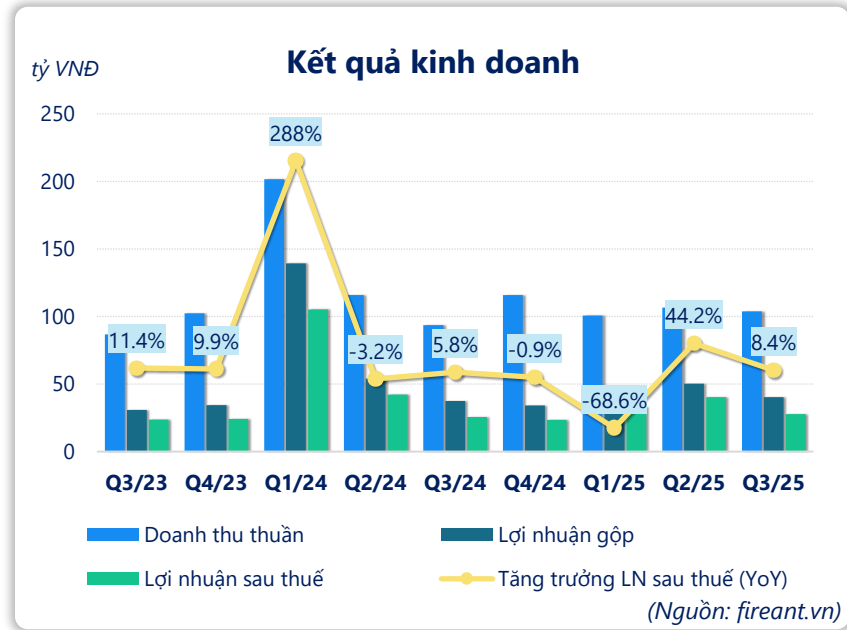
	YTD	1T	3T	6T
SZB	1.1%	1.6%	-1.1%	0.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%



CTCP Sonadezi Long Bình (HNX: SZB)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,733	1,578	9.8%
Tài sản ngắn hạn	575	448	28.3%
Tiền và tương đương tiền	248	255	-2.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	218	93.5	133%
Phải thu ngắn hạn	93.4	87.7	6.5%
Hàng tồn kho	5.92	6.16	-3.9%
Tài sản ngắn hạn khác	10.3	5.72	80.8%
Tài sản dài hạn	1,158	1,130	2.5%
Phải thu dài hạn	89.6	89.6	0.0%
Tài sản cố định	388	402	-3.6%
Bất động sản đầu tư	102	108	-5.7%
Tài sản dở dang	73.4	15.5	375%
Đầu tư tài chính dài hạn	40.0	40.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	465	474	-2.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,053	899	17.1%
Nợ ngắn hạn	286	187	53.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.9	11.8	34.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	52.3	-67.3%
Nợ dài hạn	768	713	7.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	66.6	38.2	74.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	679	679	0.1%
Vốn chủ sở hữu	679	679	0.1%
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	93.6	116	101	107	104
Giá vốn hàng bán	56.1	81.9	52.7	56.3	63.6
Lợi nhuận gộp	37.4	34.1	47.9	50.2	40.2
Doanh thu HĐTC	1.74	4.91	1.27	7.49	2.39
Chi phí TC	0.74	0.93	0.64	0.84	0.59
Chi phí lãi vay	0.74	0.93	0.64	0.84	0.59
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.40	0.40	0.28	0.62	1.06
Chi phí QLDN	6.39	8.31	7.47	6.22	6.64
LN thuần từ HĐKD	31.6	29.3	40.8	50.1	34.3
Lợi nhuận khác	0.47	0.33	0.34	0.36	0.45
LN trước thuế	32.1	29.7	41.2	50.4	34.7
Lợi nhuận sau thuế	25.6	23.6	32.9	40.3	27.7
LNST của CĐ cty mẹ	25.6	23.6	32.9	40.3	27.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.37	46.0	159	-21.4	133
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	57.2	-18.0	-198	-22.4	-0.46
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-71.9	-30.2	2.09	11.5	-71.1
Tiền đầu kỳ	272	257	255	218	186
Lưu chuyển tiền thuần	-15.1	-2.12	-36.8	-32.3	61.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	257	255	218	186	248

(Nguồn: fireant.vn)